

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**QUA, SANG TRONG TRI NHẬN VÀ
BIỂU ĐẠT KHÔNG GIAN, THỜI GIAN
LÊ THỊ CẨM VÂN***

TÓM TẮT: Trong tiếng Việt, có những trường hợp *qua* có thể thay thế cho *sang* và ngược lại. Tuy vậy giữa chúng vẫn có những điểm khác biệt. Bài báo này hướng đến làm sáng tỏ những điểm giống và khác nhau giữa *qua* và *sang* trong tri nhận và biểu đạt không gian, thời gian, tập trung vào các bình diện cấu trúc tham tổ, phối cảnh chuyển động, quy chiếu, sự chuyển khung từ không gian sang thời gian của các từ hữu quan. Những điểm khác nhau được chỉ ra giúp làm sáng tỏ vì sao *qua* và *sang* cùng tồn tại dù điểm giống nhau giữa chúng là rất lớn.

TỪ KHOẢ: *qua, sang*; khung không gian; khung thời gian; cấu trúc tham tổ; phối cảnh, quy chiếu.

NHẬN BÀI: 30/01/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/07/2024

1. Dẫn nhập

1.1. Khi nghiên cứu sự tri nhận và biểu đạt thời gian qua không gian theo đường hướng Ngôn ngữ học tri nhận, các nhà Việt ngữ học chủ yếu xem xét sự ánh xạ ý niệm giữa hai phạm trù (Nguyễn Hoà, 2007; Nguyễn Đức Dân, 2009; Nguyễn Văn Hán, 2011) mà chưa quan tâm đến sự chuyển di cấu trúc tham tổ, mô hình chuyển động, khả năng quy chiếu từ không gian sang thời gian ở các trường hợp cụ thể.

1.2. *Qua* và *sang* là cặp từ có nhiều điểm giống nhau trong tiếng Việt. Người Việt nói *qua đường/sang đường, đi qua đường/ đi sang đường, qua nhà bạn/ sang nhà bạn*, v.v. mà không có sự phân biệt. Ở những cách nói này, *qua* và *sang* giống nhau về ngữ nghĩa, ngữ pháp, tri nhận nên hoàn toàn thay thế được cho nhau. Bên cạnh đó, giữa *qua* và *sang* còn có những điểm khác nhau. Những điểm khác nhau chính là lí do chúng song song tồn tại trong tiếng Việt mà không bị triệt tiêu một trong hai theo quy tắc tiết kiệm của ngôn ngữ.

Hai phạm trù ngữ nghĩa - tri nhận chính mà *qua* và *sang* biểu đạt là không gian và thời gian. Trong bài báo này, chúng tôi muốn chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa *qua* và *sang* trong tri nhận và biểu đạt không gian, thời gian, tập trung vào phân tích sự đồ chiếu¹ cấu trúc tham tổ, phối cảnh chuyển động, khung quy chiếu, nhấn mạnh các yếu tố được bảo lưu và biến đổi khi *qua, sang* chuyển di phạm trù.

1.3. Ngữ liệu nghiên cứu chủ yếu được lấy từ <https://s.ngonngu.net/corpus/>. Với mỗi từ, mẫu được chọn từ 1.000 ngữ liệu có chứa từ khảo sát trên 50 trang đầu tiên theo chế độ “cũ nhất trước” để có tính ổn định và có thể kiểm chứng. Từ ngữ liệu khảo sát, chúng tôi khái quát cấu trúc tham tổ mà *qua, sang* có thể đi vào, các phối cảnh không gian, thời gian do *qua, sang* biểu đạt, khả năng quy chiếu không gian, thời gian của *qua, sang*; các yếu tố được bảo lưu hoặc biến đổi khi *qua, sang* chuyển di phạm trù.

Trong bài báo, các đối tượng phân tích được đặt trong ngoặc kép, chữ in nghiêng được dùng với các biểu đạt ngôn ngữ lấy làm ví dụ.

2. Các vấn đề lí thuyết**2.1. Khung và phạm trù toả tía**

Trong Ngôn ngữ học tri nhận, khung được hiểu là tri thức nền cần thiết để hiểu nghĩa của từ một cách tường tận (Lee, 2001/2016, tr.24). Chẳng hạn, để hiểu từ *mẹ*, cần phải đặt nó trong khung quan hệ thân tộc. Tính chi tiết của khung phụ thuộc vào lựa chọn chủ quan của người nói. Về nguyên tắc, mọi tri thức của người nói về thế giới đều có tiềm năng trở thành khung của một từ nhất định.

Xét trong quan hệ kết hợp, khái niệm khung mở ra cách lí giải nghĩa mới: cách hiểu một từ chủ yếu phụ thuộc vào khung liên quan đến từ mà từ đó kết hợp cùng chứ không phải chỉ trong bản thân

*TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Email: lucvan.dhsp@hueuni.edu.vn

nó. Cách hiểu nghĩa của *sang* trong *sang năm* phụ thuộc vào khung của yếu tố đi cùng với nó - *năm*, vì *năm* thuộc khung thời gian nên *sang* trong trường hợp này biểu nghĩa thời gian (chứ không phải biểu nghĩa không gian như trong *sang đường*).

Khái niệm khung gắn bó chặt chẽ với hiện tượng toả tia. Lee (2001/2016) cho rằng toả tia là loại cấu trúc phạm trù phổ biến nhất. Các mạng lưới toả tia được cấu thành xung quanh nghĩa trung tâm hay nghĩa cốt lõi (điển mẫu). Khi một từ có sự thay đổi về khung, quá trình toả tia diễn ra: từ có sự mở rộng mạng lưới ngữ nghĩa.

Trong tương quan với thời gian, không gian được xem là phạm trù cơ sở do có tính cụ thể và cảm nhận được bằng giác quan của nó (Lakoff & Johnson, 1980; Núñez et al., 2006; Zinken, 2010; Tenbrink, 2011; Bender & Beller, 2014; Evans, 2019). Xu hướng toả tia và chuyển khung là đi từ không gian sang thời gian. Với *qua* và *sang* trong tiếng Việt, sự thay đổi các yếu tố kết hợp với chúng đã đưa đến kết quả chúng từ khung không gian gia nhập vào khung thời gian.

2.2. Cấu trúc tham tố

Cấu trúc tham tố thuộc về bình diện nghĩa biểu hiện của câu. Đây là nghĩa được biểu đạt bằng khung ngữ vị từ với động từ (vị từ) trung tâm và các tham tố của nó (Dik 1981/2005).

Cấu trúc tham tố của động từ gồm các vai nghĩa bắt buộc, gọi là các diễn tố, và các vai nghĩa không bắt buộc, gọi là các chu tố (Cao Xuân Hạo, 2003). Ví dụ: *sang* trong *Thuyền sang sông* có hai diễn tố: đối tượng thực hiện quá trình “sang” - vai động thể, nơi diễn ra quá trình “sang” - vai lối đi. Hai diễn tố này, ngay cả khi không được hiện ngôn trong câu, chúng vẫn luôn có mặt. Quá trình “sang” có thể diễn ra ở một địa điểm, thời điểm, theo một cách thức nào đó. Các vai nghĩa này là các chu tố của sự tình, chúng không nhất thiết phải có mặt để sự tình được thực hiện.

Sự thay đổi các vai nghĩa trong cấu trúc tham tố liên đới với quá trình toả tia và chuyển khung của từ: khi một yếu tố trong cấu trúc tham tố thay đổi, đặc biệt là các diễn tố, từ hữu quan chuyển từ khung nguồn sang khung đích. Nói cách khác, sự thay đổi khung của yếu tố kết hợp cùng đã dẫn đến sự thay đổi khung của từ đang xét. Đây là cơ sở để bài báo so sánh cấu trúc nghĩa biểu hiện giữa *qua* và *sang* ở khung không gian và khung thời gian khi chúng thực hiện quá trình chuyển di. Cách tiếp cận này, theo Evans (2013) và Shinha (2014), là chưa được quan tâm nhiều trong phân tích quá trình đồ chỗi từ không gian lên thời gian trong ngôn ngữ tự nhiên, rất cần được bổ khuyết.

2.3. Phối cảnh thời gian

Hai phối cảnh thời gian được xác lập trong Ngôn ngữ học tri nhận là Ego chuyển động và thời gian chuyển động (Fillmore, 1971; Clark, 1973; Talmy, 2000; Bender et al., 2010). Đây là hai cách phối cảnh khác biệt nhưng bổ sung cho nhau của cùng một kịch cảnh. Với Ego chuyển động, người quan sát di chuyển tiến tới các sự tình trong tương lai rồi bỏ chúng lại phía sau, thời gian được coi là tĩnh trạng, ví dụ:

(1) *Sắp đến mùa cưới rồi.*

Ngược lại, với điểm nhìn thời gian chuyển động, người quan sát đứng yên còn thời gian chuyển động về phía Ego, các sự tình thuộc tương lai tiến đến Ego và đi vào quá khứ, ví dụ:

(2) *Giáng sinh đang đến gần.*

Phối cảnh thời gian ở ví dụ (2) ngược lại với ví dụ (1).

Hai cách phối cảnh này có cội nguồn từ chuyển động trong không gian. Xem xét phối cảnh chuyển động do *qua* và *sang* biểu đạt, chúng tôi nhận thấy cần mở rộng cách hiểu về đối tượng chuyển động trong dòng thời gian: không chỉ là Ego mà còn có thể là một thực thể khác.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Qua, sang ở khung không gian

3.1.1. Cấu trúc tham tố đi với “qua”, “sang”

Theo *Đại từ điển tiếng Việt* (Nguyễn Như Ý, 1999), ở phạm trù không gian, *qua* có nghĩa chỉ sự chuyển động sang phía bên kia, như trong cách nói *qua sông*, *qua suối*, *qua cầu*, hoặc đến một địa điểm, ví dụ: *qua nhà bạn chơi*; còn *sang* biểu đạt sự vận động đến một chỗ khác, gần với nơi xuất phát, ví dụ: *sang nhà bạn chơi*, *sang sông*. Như vậy, ở nghĩa không gian, có thể thấy, *qua* và *sang* giống nhau. Có thể rút ra rằng: *qua*, *sang* biểu đạt sự chuyển động trên mặt phẳng ngang đến một địa

điểm khác trong không gian hoặc chuyển động sang phía bên kia một không gian có giới hạn biên ở hai bên; sự vận động này không bao hàm hướng chuyển động.

- Với sự tĩnh chuyển động trong không gian do *qua*, *sang* biểu đạt, cấu trúc nghĩa biểu hiện đòi hỏi hai diễn tố: hành thể - đích hoặc hành thể/ động thể - lối đi, ví dụ:

- (3) a. *Chiều đó, tôi qua nhà bạn ở đường Bùi Đình Túy, quận Bình Thạnh chúc Tết.*
 a'. *Sau khi có quyết định cuối cùng, Hải Yến đã sang Úc để học phát âm tiếng Anh theo giọng Pháp cho phù hợp với thời điểm lịch sử của những năm 50.*
 b. *Mọi phương tiện giao thông đều dừng lại nhường trẻ em qua đường, [...].*
 b'. *Chúng tôi sang sông.*
 c. *Thuyền qua được nửa sông, mái chèo gãy đôi làm thuyền lật.*
 c'. *Thuyền sang sông.*

Ở (3a), “tôi” vai hành thể, “nhà bạn ở đường Bùi Đình Túy, quận Bình Thạnh” vai đích. Ở (3a’), Hải Yến vai “hành thể”, “Úc” vai đích.

Ở (3b), “trẻ em” vai hành thể, “đường” vai lối đi. Ở (3b’), vai hành thể là “chúng tôi”, vai lối đi là “sông”.

Với (3c, c’), vai động thể là “thuyền”, “sông” là lối đi.

Trong phạm vi ngữ liệu khảo sát, không có cấu trúc nghĩa biểu hiện động thể - đích với *qua*, *sang* biểu đạt nội dung sự tĩnh chuyển động trong không gian.

Như vậy *qua*, *sang* là động từ biểu đạt nội dung sự tĩnh chuyển động trong không gian giống nhau về cấu trúc nghĩa biểu hiện.

- Khi đi sau một động từ chỉ hoạt động di chuyển trong không gian và đứng trước một danh ngữ biểu đạt thực thể không gian, *qua* có thể đi vào các cấu trúc tham tổ như khi chúng biểu đạt nội dung sự tĩnh. Ví dụ:

- (4) a. *Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Mai Thành cùng thôn đi qua nhà cụ Lang để nhờ cúng miếu thì phát hiện sự việc và báo công an.*
 b. *[...] bà con vẫn phải đi qua những con đường nham nhở ổ gà trước khi vào nhà mình.*
 c. *Trên đường đi qua vùng biển Việt Nam, do thời tiết xấu, bị đứt dây lai kéo nên tàu bị trôi dạt vào vùng biển Quảng Ngãi.*

Ở (4a), hành thể là “ông Mai Thành cùng thôn”, đích là “nhà cụ Lang”. Ở (4b), “bà con” là hành thể, “những con đường nham nhở ổ gà” là lối đi. Ở (4c), động thể là “tàu” (được xác định dựa vào quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế câu), lối đi là “vùng biển Việt Nam”.

Trong khi đó *sang* chỉ có thể đi vào cấu trúc hành thể/ động thể - đích. Ví dụ:

- (5) a. *Người lái xe đáng lẽ phải rẽ sang phía phải, nhưng do không làm chủ được tốc độ, đã cho xe chạy thẳng và vì thế nó bị trượt ra khỏi đường.*
 b. *[...] xe bị trượt đà và lao sang phần đường lưu thông ngược chiều.*

Các diễn tố xung quanh kết hợp động từ + *sang* ở các ví dụ trên lần lượt là hành thể “người lái xe” - đích “phía phải” (5a), động thể “xe” - đích “phần đường lưu thông ngược chiều” (5b). Ở vai trò ngữ pháp này, chúng tôi nhận thấy *sang* không đi vào cấu trúc hành thể - lối đi như với *qua*, nó chỉ đánh dấu vai đích. Đây là điểm phân hoá giữa *qua* và *sang* ở khung không gian.

Khi đi sau động từ chỉ hoạt động di chuyển trong không gian, *qua*, *sang* có thể tham gia vào cấu trúc động thể - đích, là cấu trúc không có khi chúng làm trung tâm ngữ vị từ biểu đạt nội dung sự tĩnh. Có thể thấy điều này với *qua* ở ví dụ (6a), với *sang* ở ví dụ (5b) hoặc ví dụ (6b) dưới đây:

- (6) a. *Tuy nhiên, những nhà nổi này hiện đã di chuyển qua bờ kênh phía bên quận 4 hoặc sống lênh đênh giữa kênh.*
 b. *Theo thiết kế, nhà có thể nở rộng, nâng tầng, di dời sang nơi khác mà không phải phá hủy những phần sẵn có.*

Trong các ví dụ trên, diễn tố đứng trước kết cấu động từ + *qua/sang* đều là động thể, lần lượt là “những nhà nổi này” và “nhà”; đích ở (6a) là “bờ kênh phía bên quận 4”, ở (6b) là “nơi khác”.

Như vậy, khi biểu đạt nghĩa không gian, *qua* và *sang* nhìn chung giống nhau về ngữ nghĩa từ vựng và khả năng đi vào các cấu trúc nghĩa biểu hiện. Sự khác biệt chỉ ở chỗ: khi đi sau động từ chỉ hoạt động di chuyển, *qua* đánh dấu vai đích và vai lối đi trong khi *sang* chỉ đánh dấu vai đích.

3.1.2. Quy chiếu và phối cảnh không gian với “qua”, “sang”

3.1.2.1. Quy chiếu không gian với “qua”, “sang”

Về điểm này, *qua* và *sang* giống nhau: chúng đều không tham gia quy chiếu. *Qua*, *sang* chỉ biểu đạt chuyển động của thực thể (như ở ví dụ (3)) hoặc trở thành yếu tố hư hoá đánh dấu vai lối đi (với *qua* ở ví dụ (4b, c)), vai đích (với *qua* ở ví dụ (4a, 6a), với *sang* ở ví dụ (5a, 5b, 6b)) mà không quy chiếu một địa điểm cụ thể nào trong không gian.

3.1.2.2. Phối cảnh không gian với “qua”, “sang”

Kịch cảnh chuyển động do *qua*, *sang* biểu đạt là thực thể chuyển động trên mặt phẳng ngang. Có các trường hợp sau:

- Phối cảnh với cấu trúc nghĩa biểu hiện có vai lối đi:

+ Lối đi được tri nhận là không gian có giới hạn biên ở hai bên, thực thể chuyển động từ biên bên này sang biên bên kia (như ở ví dụ (3b, b', c, c')). Phối cảnh này được biểu đạt bởi cả *qua* lẫn *sang*.

+ Chủ thể chuyển động dọc theo lối đi. Yếu tố biên của không gian không được chú ý. Phối cảnh này chỉ được biểu đạt bởi *qua* (như ở ví dụ (4b, c)) mà không có với *sang*.

Thực thể lối đi trong kịch cảnh chuyển động biểu đạt bởi *qua* có thể có độ cao trong không gian. Có thể thấy điều này ở các kết hợp như *qua đồi*, *qua núi*, *vượt qua dãy rào chắn*. Đây là điểm người Việt không tri nhận trong kịch cảnh với *sang*. Hệ quả là, có những kết hợp từ ngữ có với *qua* mà không có với *sang*, chẳng hạn người Việt không nói **sang đồi*, **sang núi*, **vượt sang dãy rào chắn*. Ở điểm này, chúng tôi nhận thấy phổ kết hợp của *qua* rộng hơn so với *sang*.

- Phối cảnh với cấu trúc nghĩa biểu hiện có vai đích: Ở phối cảnh này, thực thể chuyển động từ một địa điểm này đến một địa điểm khác hoặc từ một không gian này sang một không gian khác, như ở ví dụ (3a, 3a', 4a, 5a, 5b, 6a, 6b); tính chất vận động trên mặt phẳng ngang vẫn là yếu tố quan trọng trong tri nhận kịch cảnh. Phối cảnh này được biểu đạt bởi cả *qua* lẫn *sang*.

Ở phạm trù không gian, *qua* còn biểu đạt phối cảnh một thực thể chuyển động vượt qua một thực thể khác. Ví dụ:

(7) *Khi tàu Liên Xô lướt qua tàu ngầm Mỹ, chân vịt của nó đã chạm phải thân tàu USS Tautog và gây ra một tiếng động khủng khiếp.*

Ở ví dụ trên, “tàu ngầm Mỹ” có thể di chuyển hoặc không. Nếu “tàu ngầm Mỹ” di chuyển, kịch cảnh sẽ là hai thực thể cùng chuyển động. “Tàu Liên Xô” có thể chuyển động cùng chiều hoặc ngược chiều với “tàu ngầm Mỹ”. Khi chuyển động ngược chiều, “tàu Liên Xô” vận động từ phía trước, vượt qua và ra phía sau “tàu ngầm Mỹ”.

Đây là phối cảnh không có với *sang*. Sẽ là bất thường trong tiếng Việt khi dùng *sang* để diễn đạt nội dung ý nghĩa như ở (7):

(8) **Khi tàu Liên Xô lướt sang tàu ngầm Mỹ, chân vịt của nó đã chạm phải thân tàu USS Tautog và gây ra một tiếng động khủng khiếp.*

Như vậy, ở trường hợp này, *qua* và *sang* không thể thay thế cho nhau.

3.2. “Qua”, “sang” ở khung thời gian

3.2.1. Cấu trúc tham tổ đi với “qua”, “sang”

Khi chuyển sang khung thời gian, *qua* biểu thị ý đã thuộc về quá khứ, ví dụ: *những ngày tháng qua*, *sự việc vừa qua*, hoặc chỉ ý nghĩa sang một quãng thời gian, quãng đời mới, ví dụ: *qua năm mới* (Nguyễn Như Ý, 1999, tr.1355); trong khi đó *sang* biểu thị ý “tiếp đến thời gian kế liên sau thời gian hiện tại”, ví dụ: *sang tháng*, *sang tuần* (Nguyễn Như Ý, 1999, tr.1427).

Như vậy, ở nghĩa thứ 2, *qua* giống với *sang*, do vậy chúng có thể thay thế cho nhau. Điểm khác nhau là *sang* chỉ biểu thị ý nghĩa tương lai trong khi *qua* còn biểu thị ý nghĩa quá khứ; khi *qua* biểu nghĩa quá khứ, *sang* không thay thế được cho *qua*. Đặc điểm ngữ nghĩa này đem đến biểu hiện là khả năng kết hợp của *qua* phong phú hơn so với *sang*.

(i) *Với sự tình chuyển động trong thời gian do “qua”, “sang” biểu đạt:*

- Nếu chủ thể vận động là thời gian, cấu trúc nghĩa biểu hiện mà *qua*, *sang* đi vào giống nhau, chỉ đòi hỏi diễn tố động thể. Ví dụ:

(9) a. *Những ngày đầu qua nhanh, chẳng mấy chốc mà anh Tâm đã thuộc lòng tính nết của từng con trâu trong đàn.*

b. *Xuân sang, hoa đào khoe những cánh hồng mỏng manh trong làn mưa bụi.*

Trong các ví dụ trên, “những ngày đầu” và “xuân” giữ vai động thể.

Khác với *qua*, *sang* chỉ chấp nhận chủ thể thời gian là các mùa trong năm. Danh ngữ biểu đạt vai động thể kết hợp được với *sang* do vậy rất hạn chế so với *qua*.

- Nếu chủ thể vận động không phải là thời gian, có một số khác biệt về cấu trúc nghĩa biểu hiện giữa *sang* và *qua*.

+ Với *qua*, có các cấu trúc nghĩa biểu hiện sau: hành thể/ động thể - đích/ lối đi. Ví dụ:

(10) a. *Công việc điều tra sẽ kéo dài vài tháng, qua cả thời hạn bầu cử.*

b. *Ông đã qua hai ngày kiểm tra sức khoẻ ở một bệnh viện quân y.*

c. *Qua năm mới, chúng tôi quyết tâm thực hiện tốt mọi công việc của ngành.*

d. *Qua năm 2002, con số này đã tăng tương ứng là 44% và 11%.*

Ở (10a), “công việc điều tra” là động thể. Ở (10b), vai hành thể là “ông”. Ở (10c), “chúng tôi” giữ vai hành thể. Với (10d), động thể là “con số này”. Danh ngữ *thời hạn bầu cử, hai ngày kiểm tra sức khoẻ* biểu đạt thời khoảng mà chủ thể đi qua, đóng vai trò tương tự lối đi trong không gian; danh ngữ *năm mới, năm 2002* biểu đạt thời điểm mà chủ thể đi đến trong dòng thời gian, tương tự đích trong không gian.

+ Với *sang*, cấu trúc nghĩa biểu hiện đòi hỏi hai tham tố bắt buộc: hành thể/ động thể và đích. Ví dụ:

(11) a. *Sang năm nay, tôi giặt mình vì mới chỉ làm được có hai phim.*

b. *Kết quả, sang năm 2002, tình hình buôn lậu đã giảm so với năm 2000-2001.*

Ở ví dụ (11a), “tôi” là hành thể, đích thời gian là “năm nay”. Ở ví dụ (11b), “tình hình buôn lậu” giữ vai động thể, vai đích là “năm 2002”.

Như vậy, khi chuyển khung sang thời gian và biểu đạt nội dung sự tình, *qua*, *sang* đều đi vào cấu trúc tham tố chỉ gồm vai động thể; đây là cấu trúc không có khi chúng biểu đạt sự tình chuyển động trong không gian. Mặt khác, *qua*, *sang* phân hoá về cấu trúc nghĩa biểu hiện khi *qua* có thể đi vào cấu trúc hành thể/ động thể - đích/ lối đi còn *sang* chỉ có thể đi vào cấu trúc tham tố hành thể/ động thể - đích. Sự chuyển khung sang thời gian của *qua* vẫn bảo lưu các cấu trúc tham tố như khi *qua* ở phạm trù không gian đồng thời mở rộng thêm cấu trúc động thể - đích. Trong khi đó sự chuyển khung sang thời gian của *sang* triệt tiêu cấu trúc hành thể/ động thể - lối đi mà *sang* có ở không gian đồng thời mở rộng thêm cấu trúc động thể - đích.

(ii) “*Qua*”, “*sang*” đứng sau một động từ khác, thường là động từ chỉ hoạt động di chuyển.

Ở kết hợp ngữ pháp này, *qua* có khả năng tham gia vào hai cấu trúc tham tố:

+ Cấu trúc tham tố chỉ đòi hỏi vai động thể, vai động thể do danh ngữ thời gian đảm nhiệm, ví dụ:

(12) *Hai mươi năm đã trôi qua kể từ ngày các tàu con thoi đi vào không gian.* (“hai mươi năm” giữ vai động thể)

+ Cấu trúc tham tố gồm hai diễn tố: hành thể/động thể - lối đi; vai hành thể/ động thể là chủ thể phi thời gian, vai lối đi là các thời khoảng; như trong các ví dụ sau:

(13) a. *Thị trường chứng khoán Indonesia trải qua một tuần bất ổn do những mối lo ngại về bạo lực.*

b. *Chúng tôi đã trải qua nhiều năm khan hiếm nước sinh hoạt do kênh rạch bị ô nhiễm, ba giếng khoan nhỏ không đủ cung cấp.*

Ở (13a), động thể là “thị trường chứng khoán Indonesia”. Ở (13b), hành thể là “chúng tôi”. Các biểu đạt thời gian *một tuần bất ổn, nhiều năm khan hiếm nước sinh hoạt* chỉ thời khoảng trên đó chủ thể chuyển động.

Như vậy, ở khung thời gian, khi đi sau một động từ khác, *qua* tham gia vào cấu trúc tham tố như khi nó biểu đạt nội dung sự tình, riêng cấu trúc hành thể/ động thể - đích bị triệt tiêu.

- *Sang* chỉ tham gia vào cấu trúc nghĩa biểu hiện hành thể/ động thể - đích, vai đích luôn do các danh ngữ chỉ thời khoảng biểu đạt. Ví dụ:

(14) a. *Chiến sự tại Ukraine đã bước sang ngày thứ 50.*

b. *Năm nay, Đại tướng Võ Nguyên Giáp bước sang tuổi 101.*

Ở (14a), “Chiến sự tại Ukraine” giữ vai động thể. Ở (14b), vai hành thể là “Đại tướng Võ Nguyên Giáp”. Các biểu đạt thời gian *ngày thứ 50*, *tuổi 101* biểu thị vai đích.

Như vậy, trong khung thời gian, khi đi sau một động từ khác, *sang* không xuất hiện trong cấu trúc tham tổ chỉ gồm diễn tố động thể như khi *sang* biểu đạt nội dung sự tình.

Những phân tích về *qua* và *sang* ở trên cho thấy vừa có sự biến đổi vừa có sự bảo lưu cấu trúc tham tổ của *qua* và *sang* ở khung thời gian so với khung không gian. Sự chuyển khung diễn ra là do: 1. sự thay đổi ở vai động thể: vai động thể không biểu đạt thực thể không gian mà biểu đạt thực thể thời gian; 2. sự thay đổi ở vai lối đi/ đích: lối đi không còn là thực thể không gian mà là một thời khoảng trong thời gian, đích không còn là một nơi chốn trong không gian mà là một thời khoảng trong thời gian. Phạm trù thời gian và cách người Việt tri nhận về nó cho thấy cần phải mở rộng khái niệm vai động thể, vai lối đi, vai đích trong cấu trúc nghĩa biểu hiện.

Bảng 1 dưới đây khái quát ý nghĩa và cấu trúc nghĩa biểu hiện của *qua* và *sang* ở khung không gian và khung thời gian. Nó cho thấy những bảo lưu và biến đổi của *qua*, *sang* khi chuyển di phạm trù cũng như những điểm giống nhau và khác nhau giữa *qua*, *sang* trong biểu đạt không gian, thời gian.

Bảng 1. Ngữ nghĩa từ vựng và cấu trúc nghĩa biểu hiện của “qua” và “sang”

Từ		KHÔNG GIAN		THỜI GIAN	
		Ý nghĩa	Vai nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu	Ý nghĩa	Vai nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu
Động từ biểu đạt nội dung sự tình	<i>Qua</i>	Chuyển động trong không gian trên mặt phẳng ngang	- Hành thể - đích - Hành thể/ động thể - lối đi	- Chuyển động trong thời gian về quá khứ (chủ yếu) hoặc tương lai - Thời điểm/ thời khoảng quá khứ	- Động thể - Hành thể/ động thể - lối đi/ đích
	<i>Sang</i>			- Chuyển động trong thời gian về phía tương lai (chủ yếu) hoặc từ tương lai về hiện tại. - Thời điểm/ thời khoảng tương lai	- Động thể - Hành thể/ động thể - đích
Đi sau động từ khác	<i>Qua</i>	Hướng chuyển động trong không gian trên mặt phẳng ngang	- Hành thể/ động thể - đích - Hành thể/ động thể - lối đi	Hướng chuyển động trong thời gian về phía quá khứ hoặc tương lai	- Động thể - Hành thể/ động thể - lối đi
	<i>Sang</i>		Hành thể/ động thể - đích	Hướng chuyển động trong thời gian về phía tương lai	- Hành thể/ động thể - đích

3.2.2. Quy chiếu và phối cảnh thời gian với “qua”, “sang”

3.2.2.1. Quy chiếu thời gian với “qua”, “sang”

Không phải khi nào *qua*, *sang* cũng được dùng để biểu đạt thời gian; khi được dùng để biểu đạt thời gian, không phải khi nào *qua*, *sang* cũng tham gia quy chiếu. Bảng dưới đây trình bày kết quả

khảo sát về số lượt và tỉ lệ biểu đạt thời gian, quy chiếu thời gian của *qua*, *sang* trên 1000 ngữ liệu (cho mỗi từ) khảo sát từ <https://s.ngonngu.net/corpus/>.

Bảng 2. Khả năng biểu đạt và quy chiếu thời gian của “qua”, “sang”

TỪ	Biểu đạt thời gian				Không biểu đạt thời gian	
	Khả năng quy chiếu	Số lượt	Tỉ lệ %		Số lượt	Tỉ lệ %
<i>Qua</i>	Quy chiếu thời gian	391	551	39,1	449	44,9
	Không quy chiếu thời gian	160		16		
<i>Sang</i>	Quy chiếu thời gian	3	76	0,3	924	92,4
	Không quy chiếu thời gian	73		7,3		

Nhìn vào bảng trên có thể suy ra các từ hữu quan không chỉ biểu đạt thời gian mà còn biểu đạt các phạm trù khác. *Qua* có số lượt biểu đạt thời gian vượt trội so với *sang*, gấp đến 7.25 lần (551/76); *qua* tham gia quy chiếu với tỉ lệ rất cao (39,1%) còn *sang* rất ít tham gia quy chiếu (0,3%), tỉ số tham gia quy chiếu giữa *qua* với *sang* là xấp xỉ 130: 1 (39.1/0.3). Những con số này phản ánh rõ nét *qua* được người Việt sử dụng để biểu đạt và quy chiếu thời gian thường xuyên, phổ biến hơn so với *sang*.

Dưới đây bài báo trình bày các trường hợp *qua*, *sang* tham gia quy chiếu thời gian.

a. *Qua*, *sang* kết hợp phía trước với danh từ chỉ đơn vị thời gian tạo nên các ngữ định danh qui chiếu thời gian trực chỉ.

Các danh từ chỉ đơn vị thời gian kết hợp hạn chế với *qua*, *sang* trong kết cấu này. Chỉ các danh từ *ngày*, *tuần*, *tháng*, *năm* mới có thể kết hợp cùng *qua* tạo nên các ngữ định danh trực chỉ *qua tuần*, *qua tháng*, *qua năm*, *qua ngày*; với *sang*, khả năng kết hợp để tạo nên ngữ định danh trực chỉ chỉ diễn ra với *tuần*, *tháng*, *năm* (*sang tuần*, *sang tháng*, *sang năm*). Các ngữ định danh trực chỉ đang xét đều quy chiếu các thời khoảng ở tương lai. Chúng ứng xử ngữ pháp như các danh ngữ hoặc giới ngữ chỉ thời gian. Ví dụ:

(15) a. [...] ngoài ra anh còn có 250 gốc đào *sang năm* sẽ cho thu hoạch.

b. *Sang tuần*, chắc em phải mang xe về quê...

c. Từ nay đến *sang tháng*, nếu không tìm được người mua, tôi sẽ phải bán tháo.

d. *Qua tuần* Sở sẽ làm việc trực tiếp với các trường để có hướng giải quyết.

e. Chiếc bánh pizza để *qua ngày* sẽ giòn lại khi bạn cho vào lò vi sóng nướng cùng với một cốc nước.

f. Tiền trợ cũng được chủ nhà thông báo *qua tháng* sẽ tăng, trong khi tiền lương vẫn vậy khiến cuộc sống người lao động càng khổ hơn.

g. Tôi thấy sức mình ngày càng yếu, sợ *qua năm* sẽ không có cơ hội để làm nữa...

Trong tiếng Việt, các ngữ định danh trực chỉ đang xét ứng xử ngữ pháp như các danh ngữ chỉ thời gian. Do vậy, ở vị trí của *sang năm*, *qua năm*, *sang tuần*, *qua tuần*, *sang tháng*, *qua tháng*, *qua ngày*ⁱⁱ, hoàn toàn có thể thay bằng *năm sau*, *tuần sau*, *tháng sau*, *ngày mai*/ *hôm sau*.

b. *Qua* làm định ngữ hạn định trong danh ngữ chỉ thời gian, cả kết hợp quy chiếu thời gian trực chỉ.

Khả năng cú pháp này chỉ có với *qua* mà không có với *sang*.

Với trường hợp này, *qua* đứng sau các danh từ/ danh ngữ chỉ đơn vị thời gian, ví dụ: (16) *năm qua*, *tháng qua*, *tuần qua*, *hôm qua*, *tháng 6 vừa qua*, *năm 2022 vừa qua*, v.v.; hoặc đứng sau các danh từ/ danh ngữ biểu đạt thời khoảng, các danh ngữ có thể bao gộp trong cấu trúc ngữ giới từ hoặc không, ví dụ: (17) *mấy tuần vừa qua*, *tháng ra quân hành động vừa qua*, *trong vòng 5 năm qua*, v.v. Các danh ngữ có *qua* làm định ngữ đều quy chiếu các thời điểm, thời khoảng đã thuộc về quá khứ.

Trật tự ngữ pháp của *qua* trong các kết hợp đang xét ngược lại với *qua*, *sang* trong các kết hợp *sang tuần*, *qua tuần*, *sang năm*, *qua năm*, v.v. Đi cùng với sự khác biệt ngữ pháp này là sự đối lập về ngữ nghĩa: *năm qua*, *tuần qua* chỉ thời điểm, thời khoảng quá khứ; *sang tuần*, *qua tuần*, *sang năm*, *qua năm*, v.v. chỉ thời khoảng tương lai so với hiện tại của người quan sát.

c. Kết hợp *vừa qua* quy chiếu thời gian trực chỉ: kết hợp *vừa qua* khi không nằm trong cấu trúc danh ngữ mà tự mình đảm nhiệm chức năng trạng ngữ trong câu có đặc điểm của một quán ngữ chỉ thời gian. Quán ngữ này quy chiếu thời gian trực chỉ, thời gian quy chiếu thuộc về quá khứ. Ví dụ:

(18) “*Vừa qua, công ty tôi ký hợp đồng gia công hàng cho một hãng nước ngoài theo mẫu của họ.*”

Với sự hiện diện của *vừa qua*, sự tình “công ty tôi ký hợp đồng gia công hàng cho một hãng nước ngoài” được xác định là thuộc về quá khứ gần so với thời điểm nói.

Khả năng xuất hiện trong kết hợp cú pháp đang xét chỉ có với *qua* mà không có với *sang*. Đây là điểm khác biệt giữa *qua* và *sang* trong tiếng Việt.

Như vậy có thể thấy, *qua* tham gia quy chiếu thời gian với kết hợp ngữ pháp, khả năng biểu đạt ý nghĩa thời gian đa dạng, phức tạp hơn so với *sang*.

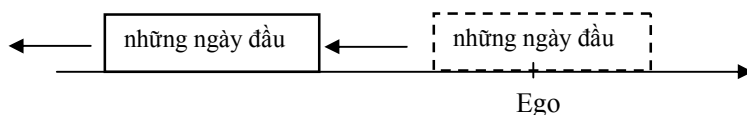
3.2.2.2. Phối cảnh thời gian với “qua”, “sang”

Có hai phối cảnh chuyển động do *qua*, *sang* biểu đạt. Một là Thời gian chuyển động và hai là Ego hoặc một thực thể nào đó chuyển động trong dòng thời gian.

(i) Phối cảnh thời gian chuyển động:

Mặc dù đều biểu đạt sự chuyển động của thời gian, giữa *sang* và *qua* vẫn có sự khác biệt tinh tế.

- Với sự tình do *qua* biểu đạt, thời gian vận động qua Ego vào quá khứ, Ego đứng yên. Chủ thể thời gian là các thời khoảng. Xét lại ví dụ (9a), “những ngày đầu” là thời khoảng không xác định vận động ngược chiều với dòng thời gian đi qua Ego vào quá khứ. Có thể sơ đồ hoá phối cảnh ở (7a) như sau:

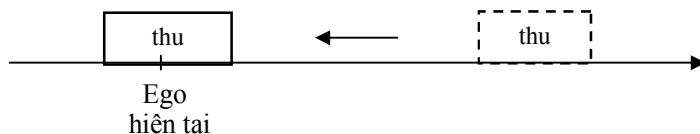


Sơ đồ 1. Phối cảnh “những ngày đầu qua nhanh”

Trước khi trở thành thời gian quá khứ, “những ngày đầu” ở hiện tại chủ quan của Ego, sau đó vận động xa dần Ego về phía quá khứ. Sự vận động này của thời gian là sự vận động của các sự tình thời gian cụ thể, với tư cách là các thời điểm hoặc phân đoạn được nhận thức và phân chia ranh giới.

Với các danh ngữ biểu đạt thời gian có *qua*, ý nghĩa chuyển động của *qua* mờ nhạt hơn. Với *hôm qua*, *tuần qua*, *tháng qua*, *năm qua*, nét nghĩa trực chỉ của *qua* nổi trội hơn so với nét nghĩa chuyển động. Tuy nhiên ở các danh ngữ hoặc giới ngữ có cấu trúc mở rộng phức tạp hơn như *tháng 6 vừa qua*, *năm 2022 vừa qua*, *mấy tuần vừa qua*, *tháng ra quân hành động vừa qua*, nét nghĩa chuyển động của *qua* hiện lên rõ nét hơn, đặc biệt với sự đánh dấu của phó từ *vừa*. Điều này có nghĩa là với các danh ngữ và giới ngữ biểu đạt thời điểm, thời khoảng trực chỉ này, phối cảnh thời gian chuyển động vẫn hiện diện, dù có mờ nhạt hơn, do kịch cảnh chuyển động đã được đẩy vào hậu cảnh, một kết cấu vị ngữ được mã hoá thành một kết cấu danh ngữ, nhưng không vì thế mà nó bị triệt tiêu.

- Với sự tình do *sang* biểu đạt, người Việt chỉ tri nhận chuyển động với thực thể thời gian là mùa, mùa chuyển động từ một vị trí tương lai trên dòng thời gian sang vị trí hiện tại, hiện tại đó bao chứa cả Ego. Vậy nên nói *thu sang* nghĩa là hiện tại đang là mùa thu. Ego trong phối cảnh này tĩnh tại. Phối cảnh này được chúng tôi minh hoạ như sau:



Sơ đồ 2. Phối cảnh “thu sang”

Phối cảnh thời gian chuyển động do *qua* biểu đạt như vậy là sự đồ chiếu kịch cảnh không gian một người hoặc một vật vận động ngược chiều đi qua người quan sát, người quan sát đứng yên. Sự đồ chiếu kịch cảnh với *sang* là một người hoặc một vật vận động từ phía trước đến vị trí của người quan sát, người quan sát đứng yên.

Như vậy, mặc dù cùng biểu đạt sự chuyển động của thời gian hướng quá khứ, *qua* với *sang* quy về các khúc đoạn khác nhau trong dòng thời gian: *qua*: từ Ego về quá khứ; *sang*: từ tương lai về Ego.

(ii) *Phối cảnh Ego hoặc một thực thể nào đó chuyển động trong dòng thời gian về phía tương lai, thời gian tĩnh tại.*

Trên dòng thời gian, không chỉ Ego (được hiện thực hoá dưới các chủ thể con người cụ thể) mà cả các đối tượng được hình dung như là các thực thể cũng chuyển động. Ví dụ:

(19) a. *Sang tuần, chắc em phải mang xe về quê...*

b. *Tôi thấy sức mình ngày càng yếu, sợ qua năm sẽ không có cơ hội để làm nữa...*

c. *Thị trường chứng khoán Indonesia trải qua một tuần bất ổn do những mối lo ngại về bạo lực.*

d. *Kết quả, sang năm 2002, tình hình buôn lậu đã giảm so với năm 2000-2001.*

Ở (19a, b), chủ thể chuyển động lần lượt là “em” và “tôi”; “em” vận động từ hiện tại - thời điểm nói - sang tuần sau (tương lai), “tôi” vận động từ năm nay (hiện tại) sang năm sau (tương lai). Ở (19c, d), “thị trường chứng khoán”, “tình hình buôn lậu” là các thực thể vận động trong dòng thời gian về phía tương lai; chúng đều không phải là Ego nhưng được tri nhận vận động tương tự Ego.

Ở (19) thực chất chủ thể chỉ vận động trong một thời khoảng nhất định trên dòng thời gian. Thời khoảng đó được ấn định bởi danh ngữ biểu đạt thời gian đi sau *qua*, *sang*. Thời khoảng này thường được biểu đạt bằng danh ngữ có yếu tố chỉ đơn vị thời gian (chẳng hạn năm, tháng, tuần, ngày), cũng có thể được biểu đạt bằng đơn vị tuổi hoặc thế hệ/ đời (do người Việt tri nhận tuổi và thế hệ/ đời theo đơn vị năm), ví dụ:

(20) a. *Việt kiều Luang Phrabang đã qua thế hệ thứ 2, thứ 3 nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc, sống đoàn kết, vững một lòng tin vào Đảng.*

b. *Bài toán của các thầy ngoại vẫn chưa được giải nhưng điệp khúc “hy vọng” thì cứ trải qua hết đời HLV này đến đời HLV khác.*

c. *Năm nay, Đại tướng Võ Nguyên Giáp bước sang tuổi 101.*

Các ví dụ (20) cho thấy là người Việt cũng tri nhận thế hệ, đời, tuổi như một thời khoảng trên dòng thời gian. Ở (20), chủ thể vận động qua “thế hệ thứ 2, thứ 3”, “đời HLV này, đời HLV khác”, “tuổi 101” tương tự như vận động qua “năm 2002”, “một tuần bất ổn”. Trong tất cả các trường hợp, sự vận động luôn đi về hướng tương lai.

Như vậy với cả hai phối cảnh chuyển động trong thời gian vừa phân tích, không có sự đồ chiếu kịch cảnh thực thể chuyển động từ biên bên này sang biên bên kia của một không gian, cũng không có sự đồ chiếu kịch cảnh thực thể chuyển động từ một địa điểm này đến một địa điểm khác hoặc từ một không gian này sang một không gian khác trên mặt phẳng ngang.

Những phân tích về phối cảnh chuyển động cũng chỉ ra rằng: không chỉ Ego - người quan sát mà cả những thực thể khác, bao gồm cả các sự kiện, cũng được người Việt tri nhận là chuyển động trên dòng thời gian.

3. Kết luận

Những phân tích về *qua* và *sang* ở khung không gian và khung thời gian cho phép đi đến kết luận:

1) Có sự chuyển khung từ không gian sang thời gian với *qua*, *sang* trong tiếng Việt, nguyên do là sự thay đổi vai nghĩa: động thể là thực thể thời gian thay vì thực thể không gian; lối đi là thời khoảng chứ không phải một thực thể không gian, đích là một thời khoảng thay cho một nơi chốn.

2) Trong quá trình toả tia ngữ nghĩa, *qua* và *sang* phản ánh sự bảo lưu lẫn biến đổi trong đồ chiếu các kịch cảnh không gian sang các kịch cảnh thời gian, biểu hiện ngôn ngữ học của hiện thực này là sự bảo lưu và biến đổi cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu/ tiểu cú mà *qua*, *sang* tham gia vào.

3) Ở khung không gian, *qua*, *sang* không tham gia quy chiếu. Ở khung thời gian, không phải với mọi trường hợp *qua*, *sang* đều được sử dụng vào quy chiếu. *Qua* chỉ quy chiếu thời gian khi kết hợp phía trước các danh từ chỉ đơn vị thời gian tạo nên ngữ định danh thời gian trực chỉ, khi kết hợp sau *vừa* trong quán ngữ *vừa qua*, khi làm định ngữ trong danh ngữ hoặc giới ngữ biểu đạt thời gian; với *sang*, khi đứng trước các danh từ *tuần*, *tháng*, *năm* tạo nên danh ngữ thời gian trực chỉ, *sang* mới tham quy chiếu; *qua* quy chiếu về quá khứ hoặc tương lai còn *sang* chỉ quy chiếu về tương lai.

4) Phối cảnh vận động do *qua*, *sang* biểu thị có thể hướng tương lai hoặc hướng quá khứ. Ở hướng tương lai, Ego hoặc một thực thể phi thời gian nào đó là chủ thể vận động. Ở hướng quá khứ, thời gian là chủ thể vận động; với *sang*, chủ thể vận động chỉ bao gồm các mùa: mùa vận động từ tương lai về hiện tại của Ego; với *qua*: chủ thể vận động phong phú hơn so với *sang*.

5) Ở cả khung không gian và khung thời gian, *qua* và *sang* có những điểm giống nhau nhất định, tuy vậy, giữa chúng vẫn tồn tại những điểm khác nhau về ngữ nghĩa, ngữ pháp, tri nhận. Những điểm khác nhau này là lí do để chúng cùng tồn tại trong hệ thống tiếng Việt.

Chú thích:

ⁱThuật ngữ “đồ chiếu” (mapping) được sử dụng trong bài báo này tương đương với thuật ngữ “ánh xạ”.

ⁱⁱ*Qua ngày* (1) này khác với *qua ngày* (2) trong cách nói *sống qua ngày đoạn tháng*. *Qua ngày* (1) quy chiếu thời gian trực chỉ, thời khoảng được nói đến ở tương lai so với hiện tại của người quan sát. *Qua ngày* (2) chỉ sự vận động trong thời gian của chủ thể mà không quy chiếu thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Dik, S. C. (1981), *Ngữ pháp chức năng* (Nguyễn Văn Phở, Trần Thuỳ Vinh, Nguyễn Hoàng Trung, Đào Mục Đích, Nguyễn Thanh Phong dịch, 2005). Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cao Xuân Hạo (chủ biên, 2001), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt, quyển 1, Câu trong tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
3. Lee, D. (2016), *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận* (Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An dịch). Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. (Bản gốc xuất bản năm 2001).
4. Nguyễn Đức Dân (2009), "Tri nhận thời gian trong tiếng Việt". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 12, tr.1-15.
5. Nguyễn Hoà (2007), "Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt qua các ẩn dụ không gian. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 7, tr.1-8.
6. Nguyễn Văn Hán (2011), *Định vị thời gian trong tiếng Việt dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận (so sánh với tiếng Anh)* (Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh).
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Văn hoá thông tin.

Tiếng Anh

8. Bender, A., & Beller, S. (2014). Mapping spatial frames of reference onto time: a review of theoretical accounts and empirical findings. *Cognition*, 132: 342–382. DOI: 10.1016/j.cognition.2014.03.016
9. Bender, A., Beller, S., & Bennardo, G. (2010), Temporal frames of reference: Conceptual analysis and empirical evidence from German, English, Mandarin Chinese and Tongan. *Journal of Cognition and Culture*, 10(3-4), 283–307. <https://doi.org/10.1163/156853710X531195>.
10. Clark, H. H. (1973), Space, time, semantics, and the child. In T. E. Moore (Ed.), *Cognitive development and the acquisition of language* (pp. 27–63). New York: Academic Press.
11. Evans, V. (2019). *Cognitive Linguistics: a Complete Guide*. Edinburgh University Press.
12. Evans, V. (2013), *Language and Time A Cognitive Linguistics Approach*. Cambridge University Press.
13. Fillmore, C. (1971), *Lectures on deixis*. Stanford, CA: CSLI Publications.
14. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors We Live By*. Chicago: University of Chicago Press.

15. Núñez, R. E., Motz, B. A., & Teuscher, U. (2006). Time after time: The psychological reality of the Ego- and Time-Reference-Point distinction in metaphorical construals of time. *Metaphor and Symbol*, 21, 133–146.
16. Tenbrink, T. (2011). Reference frames of space and time in language. *Journal of Pragmatics*, 43(3): 704 – 722. DOI: 10.1016/j.pragma.2010.06.020
17. Sinha, C. (2014), “Living in the model: the cognitive ecology of time - a comparative study.” In *Model-Based Reasoning in Science and Technology: Theoretical and Cognitive Issues*. Studies in Applied Philosophy, Epistemology and Rational Ethics 8. L. Magnani, Ed.: 55–74. Heidelberg: Springer.11.
18. Talmy, L. (2000), *Toward a cognitive semantics* (Vol. 1): *Conceptual structuring systems*. Cambridge: MIT Press.
19. Zinken, J. (2010). Temporal frames of reference. In P. Chilton & V. Evans (Eds.), *Language, cognition, and space: advances in cognitive linguistics* (pp.479-498). London: Equinox Publishing Ltd..

Qua and sang in the spatial and temporal cognition and expression

Abstract: *Qua* and *sang* can replace each other in some cases. However, there are still differences between them. This article clarifies the similarities and differences between *qua* and *sang* in the cognition and expression of space and time, focusing on argument structures, motion perspective, reference, and the transfer from spatial to temporal frame. The differences pointed out help clarify why *qua* and *sang* coexist in Vietnamese, even though these two words' similarities are remarkable.

Key words: *qua*, *sang*; the spatial frame; the temporal frame; the argument structure; perspective, reference.